

7.3 Chương trình đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tên chương trình: **QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG**
(NATURAL RESOURCES AND ENVIROMENTAL MANAGEMANT)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Mã ngành: 8.85.01.01

Chuyên ngành: Tiếng Việt (tiếng Anh): **QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG (NATURAL RESOURCES AND ENVIROMENTAL MANAGEMANT)**

Loại hình đào tạo: **Chính quy - Định hướng ứng dụng**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 3222 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 02 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình: Quản lý Tài nguyên & Môi trường (Natural Resources
Enviromantal Managemant)

Trình độ đào tạo: Thạc sỹ

Ngành đào tạo: Quản lý Tài nguyên & Môi trường (Natural Resources
Enviromantal Managemant)

Loại hình đào tạo: Chính quy – Định hướng ứng dụng .

Mã ngành đào tạo: 8. 85.01.01

1. Thông tin chung

1.1 Mục tiêu đào tạo

1.1.1 Mục tiêu chung

Chương trình Thạc sỹ Quản lý Tài nguyên và Môi trường được thiết kế để cung cấp cho người học một nền tảng vững chắc về khoa học và nghệ thuật quản lý tài nguyên môi trường và đào tạo người học có đạo đức, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

Học viên có thể lựa chọn giữa chương trình theo định hướng nghiên cứu (có luận văn) và theo định hướng ứng dụng (đề án tốt nghiệp). Học viên chọn chương trình định hướng ứng dụng sẽ hoàn thành một dự án nhỏ hơn (đề án tốt nghiệp) và lấy thêm tín chỉ từ các học phần tự chọn.

1.1.2 Mục tiêu cụ thể

Từ mục tiêu chung đã đề ra, chương trình đào tạo Quản lý Tài nguyên và Môi trường sẽ trang bị cho người học các mục tiêu cụ thể (viết tắt là PO) như sau:

PO 1: Trang bị cho người học một góc nhìn đa ngành trong việc giải quyết các vấn đề môi trường bằng cách cung cấp nền tảng vững chắc về cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội khi chúng được áp dụng vào quản lý môi trường.

PO 2: Giúp người học trở thành những nhà thực hành có trình độ chuyên môn cao và am hiểu trong lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên.

PO 3: Trang bị cho học người học những kiến thức về pháp luật và chính sách về tài nguyên và môi trường, năng lực ngoại ngữ và tin học ứng dụng.

PO 4: Trang bị cho người học các kỹ năng nghiên cứu cho phép họ đóng góp vào sự phát triển của lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường hoặc có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các bậc đào tạo chuyên sâu hơn nữa ở trong và ngoài nước.

2. Chuẩn đầu ra

Ngoài các yêu cầu chung về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, người học sau khi tốt nghiệp mỗi trình độ của giáo dục đại học phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

2.1. Kiến thức (Knowledge)

Trên cơ sở yêu cầu tối thiểu về kiến thức người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp, chương trình tạo Quản lý Tài nguyên và Môi trường cụ thể hóa các kiến thức thành các chuẩn đầu ra cấp CTĐT (*Programme Learning Outcomes* – gọi tắt là “PLOs”) chia ra thành 2 phần:

2.1.1. Kiến thức chung (General knowledges)

2.1.1.1. PLO 1: Nắm vững kiến thức nền tảng về khoa học môi trường, sinh thái học, tài nguyên thiên nhiên, và các nguyên tắc quản lý môi trường.

2.1.1.2. PLO 2: Hiểu biết về các vấn đề môi trường và tài nguyên thiên nhiên cấp bách trên thế giới, khu vực và quốc gia.

2.1.2. Kiến thức nghề nghiệp (Professional knowdleges)

2.1.2.1. PLO 3: Có khả năng áp dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề môi trường và tài nguyên thiên nhiên một cách hiệu quả và bền vững.

2.1.2.2. PLO 4: Cập nhật các tiến bộ khoa học và công nghệ, chính sách mới nhất trong lĩnh vực quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

2.2. Kỹ năng (Skill)

2.2.1. Kỹ năng chung (Generic skills)

2.2.1.1. PLO 5: Có kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

2.2.1.2. PLO 6: Có kỹ năng thiết kế nghiên cứu, giao tiếp và thuyết trình hiệu quả.

2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp (Professional skills)

2.2.2.1. PLO 7: Có kỹ năng phân tích dữ liệu môi trường, đánh giá tác động môi trường, cũng như đàm phán và giải các quyết xung đột liên quan đến môi trường.

2.2.2.2. PLO 8: Có kỹ năng sử dụng các công nghệ thông tin và phần mềm chuyên ngành.

2.3. Thái độ (Attitude)

2.3.1. Ý thức (Awareness)

2.3.1.1. PLO 9: Trung thực và liêm chính trong công việc.

2.3.2. Hành vi (Attitudes)

2.3.2.1. PLO 10: Có trách nhiệm với môi trường và cộng đồng.

Chúng chỉ Anh văn theo qui định (Thông báo Số 1031/TB-ĐHNL-ĐT về việc tham chiếu chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế với trình độ bậc 3, 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

1.3 Ma trận chương trình đào tạo – chuẩn đầu ra

STT	Mã HP	TÊN HP	TC	PLOs (Expected learning outcomes)/Mức độ cống hiến										
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	
1. KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN (5 TC)														
1	PHIL800	Triết học (Philosophy)	3 (3,0)	S	S	N	N	N	N	N	N	S	S	S
2	REME801	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research methodology)	2 (2,0)	S	S	N	N	H	H	H	N	S	H	H
	CỘNG		5											
2. HỌC PHẦN BẮT BUỘC (27 TC)														
1	NREM802	Nguyên lý trong quản lý tài nguyên và môi trường - Principles and concepts in natural resource and environment management	3 (3,0)	H	S	H	H	H	H	S	S	N	H	H
2	NREM803	Quản lý và hưởng dụng tài nguyên - Resource tenure and resource management	3 (3,0)	S	S	H	N	S	S	S	N	S	S	S
3	NREM804	Sinh thái ứng dụng, đa dạng sinh học và bảo tồn - Applied ecology, biodiversity and conservation	3 (2,1)	H	S	H	S	S	S	H	H	S	H	H

STT	Mã HP	TÊN HP	TC	PLOs (Expected learning outcomes)/Mức độ công hiến									
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
4	NREM805	Chính sách và chiến lược tài nguyên - môi trường - Policy and strategies for natural resources and environment	3 (2,1)	H	H	H	H	H	S	S	S	S	S
5	NREM806	Kinh tế tài nguyên và môi trường – The economics of natural resource and environment	3 (3,0)	H	H	H	H	H	H	S	S	H	H
6	NREM807	GIS và Viễn thám ứng dụng - Applied GIS and remote sensing	3 (2,1)	S	H	S	S	S	S	H	H	H	H
7	NREM809	Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất – Utilization and conservation of soil resources	3 (2,1)	H	S	H	S	S	S	S	N	S	S
8	NREM819	Thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu - Climate change mitigation and adaptation	2 (2,0)	S	H	S	S	S	S	H	N	S	S
9	THES896	Seminar chuyên ngành I (Bảo vệ đề cương) (Proposal defense)	2 (0,2)	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

STT	MÃ HP	TÊN HP	TC	PLOs (Expected learning outcomes)/Mức độ công hiến									
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
10	THES897	Seminar chuyên ngành 2 (Bảo cáo kết quả cơ sở) (Internal thesis defense)	2 (0,2)	H	H	H	H	H	H		H	H	H
CỘNG													
3. HỌC PHẦN BẮT BUỘC TỰ CHỌN (Đạt tối thiểu 21 TC)													
1	NREM810	Quản lý tài nguyên nước - Water resources management	2 (2,0)	S	H	S	S	S	S	H	H	H	H
2	NREM811	Quản lý tài nguyên biển và đới bờ -Coastal and Marine Ecosystem management	2 (2,0)	H	S	S	S	H	S			S	H
3	NREM812	Quản lý tài nguyên rừng - Forest resources management	2 (2,0)	H	S	S	S	H	S	S	N	S	H
4	NREM813	Quy hoạch sử dụng bền vững tài nguyên -Planning for sustainable utilization of natural resources	2 (2,0)	H	H	H	H		S	S	S	S	S

STT	MÃ HP	TÊN HP	TC	PLOs (Expected learning outcomes)/Mức độ công hiến									
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
5	NREM814	Quản lý tổng hợp lưu vực - Integrated Watershed management	2 (2,0)	S	S	S	H	H	S	S	S	S	S
6	NREM815	Xung đột môi trường và hoà giải - Environmental conflict resolution and mediation	2 (2,0)	H	H	S	S	H	S	H	S	S	H
7	NREM816	Hệ thống thông tin không gian & viễn thám trong quản lý tài nguyên môi trường - Spatial information system in natural resources and environmental management	3 (2,1)	S	S	S	H	S	S	S	H	S	S
8	NREM817	Mô hình hoá hệ thống môi trường - Modeling of environmental systems	2 (2,0)	N	N	N	N	H	N	S	S	H	S
9	NREM818	Định giá tài nguyên môi trường – Economic evaluation of resources and environments	2 (2,0)	H	H	H	H	H	H	S	S	H	H

STT	MÃ HP	TÊN HP	TC	PLOs (Expected learning outcomes)/Mức độ công hiến									
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
10	NREM820	Đánh giá môi trường chiến lược -Strategic environmental assesement	2 (1,1)	H	H	H	H	H	S	S	S	S	S
11	NREM821	Phân tích chính sách lâm nghiệp – Forestry policy analysis	2 (2,0)	N	N	N	N	H	N	S	S	H	S
12	NREM822	Ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm Prevention and Pollution control	2 (1,1)	S	H	H	S	H	S	H	S	S	H
	CỘNG		21/25										
4. HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP													
1	THES898	Đồ án Tốt nghiệp (Thesis)	7(0,7)	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
	CỘNG		7										

Ghi chú:

N: Không đóng góp/không liên quan

S: Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều

H: Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

1.4 Cơ hội việc làm

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường, người học có thể làm việc trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức sau:

- Lĩnh vực công: Các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, Các viện nghiên cứu khoa học về môi trường, Các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực môi trường, ...;

- Lĩnh vực tư: Các công ty tư vấn môi trường, Các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh có hoạt động ảnh hưởng đến môi trường, Các tổ chức quốc tế hoạt động trong lĩnh vực môi trường, ...

Vị trí công việc của người học sau khi tốt nghiệp có thể là:

- Chuyên viên quản lý môi trường;
- Chuyên viên đánh giá tác động môi trường;;
- Chuyên viên quản lý chất thải;
- Chuyên viên quản lý tài nguyên nước;
- Chuyên viên giáo dục và truyền thông môi trường;
- Chuyên viên nghiên cứu khoa học về môi trường;
- Giảng viên các lĩnh vực về quản lý tài nguyên và môi trường;
- Hoặc các vị trí, chức vụ cao hơn trong lĩnh vực liên quan.

Ngoài ra, người học cũng có thể:

- Tự thành lập doanh nghiệp tư vấn môi trường;
- Tham gia các dự án khởi nghiệp về môi trường.

Nhìn chung, người học sau khi tốt nghiệp thạc sĩ ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường có nhiều cơ hội việc làm với mức lương hấp dẫn trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

2. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo tiêu chuẩn 18 tháng

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá (tính bằng tín chỉ):

Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

Tên	Số tín chỉ		
	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
Khối kiến thức cơ bản	5	5	0
Khối kiến thức cơ sở ngành	18	15	6
Khối kiến thức chuyên ngành	22	12	15
Đồ án tốt nghiệp	7	7	0
Tổng cộng	60	39	21

4. Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào)

- Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên); đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp đại học từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu
- Có khả năng ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (nếu không đạt thì tham gia thi tuyển môn Anh văn)

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp được thực hiện theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ” và Quyết định số 2812/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ”.

6. Thang điểm

Theo thang điểm 10 (từ 0 – 10) theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh.

7. Nội dung chương trình

STT	Mã MH	Tên Môn học	TC	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	HK	Học trước (mã MH)	Tiên quyết (mã MH)	Song hành (mã MH)
7.1 Khối kiến thức cơ bản													
1	PHIL800	Triết học (Philosophy)	3	3	0	0	0	0	1	1			
2	REME801	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research methodology)	2	2	0	0	0	0	1	1			
Cộng nhóm:			5	5	0	0	0	0					
7.2 Khối kiến thức cơ sở ngành													
7.2.1 Nhóm học phần bắt buộc (15 TC)													
1	NREM804	Sinh thái ứng dụng, đa dạng sinh học và bảo tồn - Applied ecology, biodiversity and conservation	3	2	1	0	0	0	1	1			
2	NREM805	Chính sách và chiến lược tài nguyên - môi trường - Policy and strategies for natural resources and environment	3	2	1	0	0	0	1	1			

STT	Mã MH	Tên Môn học	TC	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	HK	Học trước (mã MH)	Tiên quyết (mã MH)	Song hành (mã MH)
3	NREM806	Kinh tế tài nguyên và môi trường – The economics of natural resource and environment	3	3	0	0	0	0	1	1			
4	NREM807	GIS và Viễn thám ứng dụng - Applied GIS and remote sensing	3	2	1	0	0	0	1	1			
5	NREM809	Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất – Utilization and conservation of soil resources	3	2	1	0	0	0	1	2			
Cộng nhóm:			15	9	2	0	0	0					
7.2.2 Nhóm học phần tự chọn 1 - phải đạt 6 TC													
1	NREM811	Quản lý tài nguyên biển và đới bờ -Coastal and Marine Ecosystem management	2	2	0	0	0	0	1	1			
2	NREM812	Quản lý tài nguyên rừng - Forest resources management	2	1	1	0	0	0	1	1			
3	NREM814	Quản lý lưu vực - Watershed management	2	2	0	0	0	0	1	1			

STT	Mã MH	Tên Môn học	TC	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	HK	Học trước (mã MH)	Tiên quyết (mã MH)	Song hành (mã MH)
4	NREM817	Mô hình hoá hệ thống môi trường - Modeling of environmental systems	2	2	0	0	0	0	1	1			
Cộng nhóm:			8	8	2	0	0	0					
7.3 Khối kiến thức chuyên ngành													
7.3.1 Nhóm học phần bắt buộc: 12TC													
1	NREM802	Nguyên lý trong quản lý tài nguyên và môi trường - Principles and concepts in natural resource and environment management	3	3	0	0	0	0	1	1			
2	NREM803	Quản lý và hướng dụng tài nguyên - Resource tenure and resource management	3	3	0	0	0	0	1	1			
	NREM819	Thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu - Climate change mitigation and adaptation	2	1	1	0	0	0	1	2			

STT	Mã MH	Tên Môn học	TC	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	HK	Học trước (mã MH)	Tiên quyết (mã MH)	Song hành (mã MH)
3	THES896	Seminar chuyên ngành 1 (Special seminar 1)	2	0	0	0	0	2	1	2			
4	THES897	Seminar chuyên ngành 2 (Special seminar 2)	2	0	0	0	0	2	2	1			
Cộng nhóm:			12	6	0	0	0	4					
7.3.2 Nhóm học phần tự chọn 2 - phải đạt 13 TC													
1	NREM810	Quản lý tài nguyên nước - Water resources management	2	2	0	0	0	0	1	2			
2	NREM813	Quy hoạch sử dụng bền vững tài nguyên - Planning for sustainable utilization of natural resources	2	2	0	0	0	0	1	2			
3	NREM815	Xung đột môi trường và hoà giải - Environmental conflict resolution and mediation	2	2	2	0	0	0	1	2			

STT	Mã MH	Tên Môn học	TC	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	HK	Học trước (mã MH)	Tiên quyết (mã MH)	Song hành (mã MH)
4	NREM816	Hệ thống thông tin không gian & viễn thám trong quản lý tài nguyên môi trường - Spatial information system in natural resources and environmental management	3	2	1	0	0	0	1	2			
5	NREM818	Định giá tài nguyên môi trường – Economic evaluation of resources and environments	2	2	0	0	0	0	1	2			
6	NREM820	Đánh giá môi trường chiến lược -Strategic environmental assesement	2	1	1	0	0	0	1	1			
7	NREM821	Phân tích chính sách lâm nghiệp – Forestry policy analysis	2	2	0	0	0	0	1	1			
8	NREM822	Ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm Revention and pollution control	2	1	1	0	0	0	2	1			
Cộng nhóm:			17	15	5	0	0	0					

STT	Mã MH	Tên Môn học	TC	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	HK	Học trước (mã MH)	Tiền quyết (mã MH)	Song hành (mã MH)
7.4 Nhóm học phần tốt nghiệp - phải đạt 15 TC													
1	THES898	Đồ án tốt nghiệp (Thesis)	7	0	0	0	0	7	2	1			
Cộng nhóm:			7	0	0	0	0	7					

Tổng số tín chỉ phải đạt: 60 tín chỉ; trong đó tổng tín chỉ bắt buộc: 42 và tổng tín chỉ các nhóm tự chọn: 18

8. Kế hoạch giảng dạy

Dự kiến kế hoạch giảng dạy (Phân bổ các học phần theo từng học kỳ)

Học kỳ	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	TH/T T/ĐA	Khác
HK 1 (22 tín chỉ)	PHIL800	Triết học (Philosophy)	3	3	0	0
	REME801	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research methodology)	2	2	0	0
	NREM804	Sinh thái ứng dụng, đa dạng sinh học và bảo tồn - Applied ecology, biodiversity and conservation	3	2	1	0
	NREM805	Chính sách và chiến lược tài nguyên - môi trường - Policy and strategies for natural resources and environment	3	2	1	0
	NREM806	Kinh tế tài nguyên và môi trường – The economics of natural resource and environment	3	3	0	0
	NREM807	GIS và Viễn thám ứng dụng - Applied GIS and remote sensing	3	2	1	0
	NREM802	Nguyên lý trong quản lý tài nguyên và môi trường - Principles and concepts in natural resource and environment management	3	3	0	0
	NREM803	Quản lý và hưởng dụng tài nguyên - Resource tenure and resource management	3	3	0	0
HK 2 (21 tín chỉ)	NREM809	Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất – Utilization and conservation of soil resources	3	2	1	0
	NREM810	Quản lý tài nguyên nước - Water resources management	2	2	0	0
	NREM811	Quản lý tài nguyên biển và đới bờ -Coastal and Marine Ecosystem management	2	2	0	0
	NREM812	Quản lý tài nguyên rừng - Forest resources management	2	2	0	0

Học kỳ	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	TH/T T/ĐA	Khác
	NREM813	Quy hoạch sử dụng bền vững tài nguyên -Planning for sustainable utilization of natural resources	2	0	0	2
	NREM814	Quản lý lưu vực - Watershed management	3	2	1	0
	NREM815	Xung đột môi trường và hoà giải - Environmental conflict resolution and mediation	3	2	1	0
	NREM816	Hệ thống thông tin không gian & viễn thám trong quản lý tài nguyên môi trường - Spatial information system in natural resources and environmental management	3	2	1	0
	NREM817	Mô hình hoá hệ thống môi trường - Modeling of environmental systems	3	2	1	0
	NREM818	Định giá tài nguyên môi trường – Economic evaluation of resources and environments	2	2	0	0
	NREM819	Thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu - Climate change mitigation and adaptation	2	2	0	0
	NREM820	Đánh giá môi trường chiến lược -Strategic environmental assesement	2	1	1	0
	NREM821	Phân tích chính sách lâm nghiệp – Forestry policy analysis	2	2	0	0
	NREM822	Ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm Revention and pollution control	2	2	0	0
	THES896	Seminar chuyên ngành 1 (Special seminar 1)	2	0	0	2
HK 3 (9 tín chỉ)	THES897	Seminar chuyên ngành 2 (Special seminar 2)	2	0	0	2
	THES898	Đồ án tốt nghiệp (Thesis)	7	0	0	15

Phân phối từng học kỳ

HK1	HK2	HK3	Tổng số tín chỉ
25	26	9	60/60

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng học phần

(Trích từ đề cương chi tiết học phần - Mẫu 7.5)

9.1 Các học phần đại cương

1. Tên học phần: Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Mã học phần: REME801

Số tín chỉ: 2

Phân bố thời gian: 3 tuần

Học kỳ: 1

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

Nội dung môn học bao gồm đại cương về nghiên cứu khoa học; các phương pháp nghiên cứu khoa học; xây dựng, minh chứng và trình bày luận điểm khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu, tổ chức thực hiện đề tài và báo cáo kết quả nghiên cứu.

Course content includes knowledge about foundation of scientific research; the scientific methods; building, demonstrating and presenting the scientific topics; building a research proposal, implementing a thesis and reporting the research results.

9.2 Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành

1. Tên học phần: Nguyên lý trong quản lý TN & MT

Mã học phần: NREM802

Số tín chỉ: 3

Phân bố thời gian: 8-10 tuần

Học kỳ: 2

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

2. Tên học phần: Quản lý và hưởng dụng TN

Mã học phần: NREM803

Số tín chỉ: 3

Phân bố thời gian: 8-10 tuần

Học kỳ: 2

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

3. Tên học phần: Sinh thái ứng dụng, đa dạng sinh học và bảo tồn

Mã học phần: NREM804

Số tín chỉ: 2

Phân bố thời gian: 3-4 tuần

Học kỳ: 1

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

Môn học trình bày các quá trình sinh thái và ứng dụng các quá trình đó trong việc bảo tồn đa dạng sinh học. Các quy luật của sinh thái học được áp dụng trong thực tế nhằm tạo nên điều kiện phát triển tốt nhất sự đa dạng sinh học.

The course focuses on the ecological processes and its application on biodiversity conservation. The ecological rules will be applied on reality to promote the best development of biodiversity.

4. Tên học phần: Chính sách và chiến lược tài nguyên – Môi trường (*Policy and strategies for natural resources and environment*)

Mã học phần: NREM805

Số tín chỉ: 2

Phân bố thời gian: 3- 4 tuần

Học kỳ: 1

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

Mục tiêu tổng quát của môn học là cung cấp kiến thức chuyên sâu về tài nguyên môi trường và chính sách, chiến lược tài nguyên môi trường cho người học. Người học sau khi kết thúc môn học không những nắm vững các kiến thức chuyên sâu về tài nguyên môi trường, chính sách, chiến lược tài nguyên mà còn có kỹ năng xây dựng chính sách, chiến lược tài nguyên ở mọi cấp độ.

The subject would provide special and deep knowledge of natural resources and policy – strategy for the resources and environment. After learning the subject, the learners would have not only knowledge of natural resources and policy & strategy regarding the field but also skill at developing natural resources strategy and policy at all level.

5. Tên học phần: Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

Mã học phần: NREM806

Số tín chỉ: 2

Phân bố thời gian: 7 tuần

Học kỳ: 1

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản của kinh tế tài nguyên môi trường, giúp người học vận dụng những kiến thức kinh tế cơ bản vào phân tích các vấn đề quản lý và sử dụng hiệu quả TNMT, hiểu và áp dụng các công cụ phân tích kinh tế, các phương pháp định giá giá trị của tài nguyên môi trường. Học phần này còn giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về kinh tế và áp dụng trong việc xây dựng chính sách, ra các quyết định liên quan đến quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên và môi trường

The contents of this course is to give a thorough introduction to the economic principles of natural resources and environment:

The central themes of the course are causes of pollution and the design of incentive based policy instruments. The theory how to address international environmental problems. The course deals with the optimal utilization of renewable resources (e.g. forests and fisheries) and non-renewable resources (e.g. mineral deposits).

6. Tên học phần: GIS và Viễn thám

Mã học phần: NREM807

Số tín chỉ: 3

Phân bố thời gian: 8-10 tuần

Học kỳ: 1

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

Các nguyên lý cơ bản của hệ thống thông tin địa lý, Viễn thám, Phân tích không gian trong GIS, Mô hình vector, Mô hình raster, Dữ liệu địa lý trong quản lý và quy hoạch môi trường, Mối quan hệ giữa các dữ liệu không gian trong quản lý tài nguyên thiên nhiên. Sử dụng máy tính trong việc quy hoạch và quản lý tài nguyên thiên nhiên/ Principles of Geographical information system, Remote sensing, Spatial analysis in GIS, Vector model and Raster model, Geographical data for Natural Resources and Environment management, and relationship between various data application for planning. The use of personal computer for management and planning.

7. Tên học phần: Sử dụng và BV TN đất

Mã học phần: NREM809

Số tín chỉ: 3

Phân bố thời gian: 8-10 tuần

Học kỳ: 1

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

Môn học giới thiệu người học sự khan hiếm của tài nguyên đất và sự khai thác nguồn tài nguyên đất để có thể đáp ứng nhu cầu cuộc sống con người. Qua đó người học có thể thấy rõ vai trò cần thiết của việc phải thực hiện quản lý tài nguyên đất bền vững.

The subject introduces learners the scarcity of soil resources and soil availability to satisfy human needs. Then, the students can identify the important role of sustainable land management.

8. Tên học phần: Quản lý TN nước

Mã học phần: NREM810

Số tín chỉ: 2

Phân bố thời gian: 6-7 tuần

Học kỳ: 2

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

Môn học trình bày các vấn đề nước và xung đột nguồn nước trên thế giới. Giá trị của nguồn tài nguyên nước được trình bày chi tiết; Chính sách khai thác và quản lý hợp lý tài nguyên nước của các quốc gia; Xử lý và tái sử dụng nước thải.

The course describes water problems and conflict of water resource in the world. The value of water resource will be shown in detail; Policy for suitable exploitation and management in nations; Treatment and re-use of waste water

9. Tên học phần: Quản lý TN biển và đới bờ

Mã học phần: NREM811

Số tín chỉ: 2

Phân bố thời gian: 6-7 tuần

Học kỳ: 2

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

Học phần này sẽ giới thiệu về quá trình hình thành các hệ sinh thái biển và đới bờ, đặc tính và chức năng của các hệ sinh thái; tình hình sử dụng tài nguyên trên vùng biển và đới bờ; luật lệ, công cụ và kỹ thuật được áp dụng trong việc quản lý và bảo tồn môi trường-tài nguyên biển và đới bờ.

This course introduces the process and development of coastal and marine ecosystems, their characteristics and functions; utilization of coastal and marine resources; law, tools and techniques applied in management and conservation of coastal and marine resources.

10. Tên học phần: Quản lý TN rừng

Mã học phần: NREM812

Số tín chỉ: 2

Phân bố thời gian: 6-7 tuần

Học kỳ: 2

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

Trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về tài nguyên rừng; đặc điểm cũng như thực trạng tài nguyên rừng trên thế giới và Việt Nam; học viên phải nắm vững các nguyên tắc và phương thức sử dụng, quản lý tài nguyên rừng bền vững để có thể vận dụng vào thực tế quản lý môi trường bền vững

The objective is to equip students with basic knowledge on forest resources as well as characteristics of the current status of forest. Students must master the principles, methods of sustainable use and management of forest resources in order to be able to put into practice for management of environment toward sustainability

11. Tên học phần: Quy hoạch và sử dụng bền vững TN

Mã học phần: NREM813

Số tín chỉ: 2

Phân bố thời gian: 6-7 tuần

Học kỳ: 2

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

Để sử dụng tài nguyên thiên nhiên bền vững, tài nguyên thiên nhiên cần phải được định hướng, quy hoạch sử dụng trên cơ sở các nguyên tắc, tiếp cận và phương pháp quy hoạch phù hợp; bảo đảm tính khoa học và thực tiễn; hài hoà các mục tiêu sử dụng về môi trường, kinh tế và xã hội. Môn học sẽ trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng liên quan các vấn đề trên.

To use natural resources sustainably, natural resources need to be oriented, use planning on the basis of the principles, approaches and planning methods appropriate to ensure a scientific and practical and to trade off objectives relating to environment, economic and society. The course will equip students with the knowledge and skills relating to such matters.

12. Tên học phần: Quản lý lưu vực

Mã học phần: NREM814

Số tín chỉ: 2

Phân bố thời gian: 6-7 tuần

Học kỳ: 2

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

Môn học này nhằm giúp cho sinh viên bước đầu tiếp cận các nguyên lý và phương pháp cơ bản trong quản lý, bảo tồn lưu vực. Các nguyên lý và tiến trình thủy văn rừng nhằm đánh giá ảnh hưởng của rừng đến đặc trưng thủy văn. Những nhân tố ảnh hưởng và kiểm soát chất lượng, số lượng nước, kiểm soát xói mòn và bồi lắng, mô hình SWAT.

Principles of watershed management, Forest hydrology process, Relationship between Forest, water discharge and water quality, soil erosion control, Soil and Water Assessment Tool (SWAT) model

13. Tên học phần: Xung đột môi trường & Hòa giải

Mã học phần: NREM815

Số tín chỉ: 2

Phân bố thời gian: 6-7 tuần

Học kỳ: 2

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

Môn học gồm có 6 chương: (1) Khái quát chung về tranh chấp môi trường; (2) Hoà giải tranh chấp môi trường; (3) Phương thức và quy trình tiến hành hoà giải tranh chấp môi trường; (4) Nhận thức và vai trò của hoà giải viên trong quá trình giải quyết tranh chấp môi trường; (5) Kỹ năng của hoà giải viên; (6) Một số trường hợp nghiên cứu điển hình về hoà giải tranh chấp môi trường.

The subject includes 6 chapters: (1) Introduction to environmental and natural resource conflicts; (2) Mediating environmental and natural resource conflicts; (3) Procedure and process for environmental and natural resource conflicts; (4) The understanding and role of conciliator in the process of solving environmental and natural resource conflicts; (5) Skill of conciliator; (6) Case studies on environmental and natural resource conflicts.

14. Tên học phần: GIS không gian và Viễn thám trong QLTNMT

Mã học phần: NREM816

Số tín chỉ: 3

Phân bố thời gian: 8-10 tuần

Học kỳ: 2

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

Dữ liệu không gian/ địa lý, Các nguyên lý cơ bản trong thu thập dữ liệu không gian: Sai số của dữ liệu địa lý, Hệ thống thông tin không gian, các khái niệm liên quan đến viễn thám, hệ thống thông tin địa lý trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi

trường. Các phương pháp phân tích nền không gian thường được ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ thông tin địa lý, bao gồm: phân tích đơn lớp, phân tích đa lớp, phân tích mạng, và phân tích bề mặt.

Spatial/geographic data; spatial data collection techniques: Data quality and accuracy; spatial information system; data gaps and standardization; spatial information management; concept of remote sensing; and Geographic Information System (GIS) for natural resources and environment management. Spatial analysis: single layer, multi-layer and surface analysis

15. Tên học phần: Mô hình hóa hệ thống MT

Mã học phần: NREM817

Số tín chỉ: 2

Phân bố thời gian: 6-7 tuần

Học kỳ: 2

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

- ✓ Lựa chọn, hiệu chỉnh, kiểm định mô hình; Quy hoạch tuyến tính; Tích hợp mô hình SWAT và GIS; Ước tính dòng chảy; Ước tính bùn cát; Bài toán tối ưu sử dụng đất nông nghiệp
- ✓ Calibration and validation of models; Linear optimization, mathematical modeling technique; Integrating GIS and SWAT models; Estimating sediment and flow transports; Optimization in agriculture (OIA).

16. Tên học phần: Định giá tài nguyên môi trường

Mã học phần: NREM818

Số tín chỉ: 2

Phân bố thời gian: 6-7 tuần

Học kỳ: 2

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

Tổng quan lý thuyết kinh tế phúc lợi làm tiền đề cho lý thuyết định giá tài nguyên môi trường/ General welfare theory as the premise for the valuation of environmental and natural resources.

Các bước cơ bản của một quá trình định giá và các kỹ thuật định giá chuyên biệt của ngành tài nguyên môi trường/ The basic steps of the non-market valuation process and specific valuation techniques

17. Tên học phần: Thích ứng và giảm thiểu tác động của BĐKH

Mã học phần: NREM819

Số tín chỉ: 2

Phân bố thời gian: 6-7 tuần

Học kỳ: 2

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

- Môn học giới thiệu người học lý thuyết cơ bản về biến đổi khí hậu và các kịch bản đã được xây dựng cho toàn cầu và Việt Nam nói riêng. Để ứng phó với tình hình này, học viên sẽ được giới thiệu về các chiến lược thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu.

- The subject introduces to students the basic theories of climate change, scenarios in global scale and particularly in Viet Nam. The next content is the strategies of adaption and mitigation to climate change.

18. Tên học phần: Đánh giá môi trường chiến lược

Mã học phần: NREM820

Số tín chỉ: 2

Phân bố thời gian: 6-7 tuần

Học kỳ: 2

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

Mục tiêu tổng quát của môn học là cung cấp kiến thức chuyên sâu về đánh giá môi trường chiến lược và phương pháp & kỹ thuật thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.

 Người học sau khi kết thúc môn học không những nắm vững các kiến thức chuyên sâu về đánh giá môi trường chiến lược mà còn có kỹ năng thực hiện đánh giá môi trường cho các văn kiện chiến lược/(strategic documents).

The subject would provide special and deep knowledge of assessment for a strategic document.

 After learning the subject, the learners would have not only knowledge of assessment for a strategic document but also skill at assessing environmental impact of a strategic document of all level.

19. Tên học phần: Phân tích chính sách lâm nghiệp

Mã học phần: NREM821

Số tín chỉ: 2

Phân bố thời gian: 6-7 tuần

Học kỳ: 2

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

Môn học bao gồm việc xem xét khái niệm “phát triển bền vững” trong bối cảnh của lâm nghiệp Việt nam, đồng thời phân tích những mục tiêu và thử thách chính cần đáp ứng để đạt được nó.

This course covers an approach to policy analysis to explain how forest policies support sustainable development and how to address these challenges in the context of the forestry sector of Vietnam.

20. Tên học phần: Ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm

Mã học phần: NREM822

Số tín chỉ: 2

Phân bố thời gian: 6-7 tuần

Học kỳ: 2

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

Môn học bao gồm các cách tiếp cận khoa học để học viên có thể dự đoán, nhận biết, đánh giá và kiểm soát các mối nguy, với trọng tâm chính là nhận biết và đánh giá tiến tới hạn chế và triệt tiêu ảnh hưởng của các chất gây ô nhiễm. Môn học cũng nhấn mạnh việc kiểm soát chất lượng môi trường bằng các công cụ quản lý và kỹ thuật cũng như khả năng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong việc tận dụng, tái chế chất thải.

The course covers scientific approaches so that students can predict, identify, assess and control hazards, with a primary focus on identifying and evaluating to limit and eliminate the impact of pollutants. The course also emphasizes environmental quality control by management and technical tools as well as the ability to apply scientific and technical advances in waste utilization and recycling.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

10.1 Danh sách các giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần sẽ giảng dạy
1	PGS. TS Nguyễn Tri Quang Hưng	1978	Kỹ thuật XD và môi trường	>20 năm	- Thích ứng và giảm thiểu tác động của BĐKH -
2	PGS. TS Lê Quốc Tuấn	1972	Hóa sinh môi trường	>25 năm	- Sinh thái ứng dụng, đa dạng SH & bảo tồn - QLTN nước

3	GS. TS Nguyễn Kim Lợi	1974	GIS và môi trường	>25 năm	-Quản lý lưu vực -GIS không gian và viễn thám trong QLTNMT
4	TS Ngô Vy Thảo	1985	Kỹ thuật môi trường	>14 năm	PP luận trong NCKH
5	TS. Đỗ Xuân Hồng	1986	Kỹ thuật XD và môi trường	>12 năm	Nguyên lý trong QL TN & MT
6	TS Nguyễn Ngọc Thùy	1971	Kinh tế	>25 năm	Xung đột môi trường & hòa giải
7	TS. Nguyễn Thị Bích Phượng	1978	Tài nguyên NN & Môi trường	>15 năm	QL và hưởng dụng TN
8	TS. Đặng Thanh Hà	1960	Kinh tế TN	>30 năm	Kinh tế TN & môi trường

10.2 Danh sách các giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần sẽ giảng dạy
1	Bùi Cách Tuyển	1956	Quản lý TN & MT	>35 năm	Xung đột môi trường & hòa giải
2	Huỳnh Thanh Huỳnh	1960	KH đất và TN	>35 năm	Sử dụng và BV TN đất
3	Nguyễn Vinh Quy	1964	Quản lý TN & MT	>30 năm	-Đánh giá môi trường chiến lược -Chính sách và chiến lược tài nguyên - môi trường
4	Huỳnh Đức Hoàn	1977	Quy hoạch TN Rừng	>5 năm	- Quản lý TN rừng - Quy hoạch SD bền vững TN

Ghi chú: Kinh nghiệm giảng dạy: Nơi giảng dạy, thời gian, loại ngôn ngữ

11. Danh sách Cố vấn học tập

T	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Thông tin liên lạc (email, sdt)
1	Nguyễn Tri Quang Hưng	1978	Kỹ thuật XD và môi trường	>20 năm	quanghungmt@hcmuaf.edu.vn
2	Ngô Vy Thảo	1985	Kỹ thuật môi trường	>15 năm	ngovythao@hcmuaf.edu.vn

12. Cơ sở vật chất

- Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính: Phòng thí nghiệm, vườn ươm, Phòng Thiết kế và Kỹ thuật xử lý môi trường và Trung tâm nghiên cứu môi trường thuộc viện CNSH - Môi trường .

- Thư viện trường đại học Nông Lâm Tp. HCM

- Giáo trình, tài liệu bài giảng:

Số TT	Tên sách, tạp chí	Tác giả/Nhà xuất bản/Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng
TIẾNG VIỆT				
1	Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải (tập 1): Ôn không khí và tính toán khuếch tán chất ô nhiễm	Trần Ngọc Chấn	2000	1
2	Thông gió và kỹ thuật xử lý khí thải	Nguyễn Duy Động	2000	1
3	Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải (tập 2): Cơ học về bụi và phương pháp xử lý bụi	Trần Ngọc Chấn	2001	1
4	Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải (tập 3): Lý thuyết tính toán và công nghệ xử lý khí độc hại	Trần Ngọc Chấn	2001	1
5	Ô nhiễm không khí - Viện MT và TN	Đinh Xuân Thắng	2003	1
6	Hạch toán quản lý môi trường (EMA-SEA) (tài liệu tập huấn)	EMA Việt Nam	2005	
7	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	2006	1
8	Kỹ thuật Môi trường	Viện MT&TN	2006	1
9	Ứng dụng GIS trong quản lý Tài nguyên thiên nhiên	Nguyễn Kim Lợi	2006	1
10	Sinh thái Môi trường Ứng dụng	Lê Huy Bá, Lâm Minh Triết	2006	1
11	Xử lý nước thải Đô thị và Công nghiệp	Lâm Minh Triết, Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Phước Dân	2006	1
12	Kỹ thuật môi trường	Lâm Minh Triết	2006	1
13	Cơ sở Công nghệ Môi trường	Nguyễn Trung Việt và Trần T. Mỹ Diệu	2006	1

14	Giáo trình Hóa học môi trường nước	Nguyễn Trung Việt và Trần T. Mỹ Diệu	2006	1
15	Giáo trình Mạng lưới thoát nước	Nguyễn Trung Việt và Trần T. Mỹ Diệu	2006	1
16	Giáo trình Công nghệ xử lý nước thải	Nguyễn Trung Việt và Trần T. Mỹ Diệu	2006	1
17	Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2006 - 2020	Bộ NN& PTNT	2006	1
18	Cẩm nang ngành lâm nghiệp	Bộ NN&PTNT	2006	1
19	Lâm nghiệp công đồng	Lê Hồng Phúc/NXB NN	2007	1
20	Báo cáo phát triển con người 2007/2008	UN tại Việt Nam	2007	1
21	Giáo trình Công trình xử lý nước thải	Lê Anh Tuấn	2008	1
22	Viễn thám cơ bản	Trần Thống Nhất và Nguyễn Kim Lợi/ NXB NN	2009	1
23	Hệ thống thông tin địa lý	Nguyễn Kim Lợi và Trần Thống Nhất /NXB NN	2008	1
24	Quy hoạch môi trường phát triển bền vững	Nguyễn Thế Thôn	2008	1
25	Hệ thống thông tin địa lý nâng cao	Nguyễn Kim Lợi, Trần Thống Nhất và Lê Cảnh Định/NXB NN	2009	1
26	Việt Nam và biến đổi khí hậu	Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam	2009	1
27	Ứng phó với biến đổi khí hậu: Các cơ hội bình đẳng giới	UN tại Việt Nam và Oxfam	2009	1
TIẾNG ANH				
28	Integrated Watershed Management: Principles and Practice	Isobel W, Heathcote	1998	1
29	Integrated Watershed Management in the Global Ecosystem	Rattan Lal	1999	1
30	Spatial Analysis, GIS and Remote Sensing: Applications in the Health Sciences	Donald P, Albert, Wilbert M, Gesler, and Barbara Levergood	2000	1
31	GIS for Watershed and Water Resource Management	John G, Lyon	2002	1

32	Processing of Remote Sensing Data	H, Girard	2003	1
33	Environmental Science	Daniel B. Botkin, Edward A. Keller/ 4th ed. John Wiley & Sons	2003	1
34	Remote Sensing Image Analysis: Including the Spatial Domain	Freek D, van der Meer, Steven M, de Jong	2004	1
35	Air in Water Pipes	Gilles Corcos/ Agua para la Vida	2004	1
36	The ESRI Guide to GIS Analysis: Volume 2: Spatial Measurements and Statistics	Andy Mitchell	2005	1
37	Remote Sensing Digital Image Analysis: An Introduction	J, A, (John Alan) Richards	2005	1
38	Remote Sensing for GIS Managers	<u>Stan Aronoff</u>	2005	1
39	Geographical Information Systems: Principles, Techniques, Management and Applications	Paul A, Longley, Michael F, Goodchild, David J, Maguire, and David W, Rhind	2005	1
40	Geographical information system in agriculture	J.B. Pick/IDEA group publishing, USD and UK	2005	1
41	Advanced Air and Noise Pollution Control	Lawrence K. Wang, Norman C. Pereira, Yung Tse Hung/ Humana Press	2005	1
42	Advanced Air and Noise Pollution Control	Lawrence K. Wang, Norman C. Pereira, Yung Tse Hung/ Humana Press	2005	1
43	Introduction to the Physics and Techniques of Remote Sensing	Charles Elachi, Zyl Jakob J, van, Jakob J, Van Zyl	2006	1
44	VBA for Modelers: Developing Decision Support Systems Using Microsoft® Excel (with VBA Program CD-ROM)	S. Christian Albright	2006	1
45	Smart Land-Use Analysis: The LUCIS Model	Margaret Carr	2007	1
46	Pipeline systems	Weber-Shirk Monroe L/ Cornell University	2007	1

	Using Microsoft® Excel (with VBA Program CD-ROM)			
45	Smart Land-Use Analysis: The LUCIS Model	Margaret Carr	2007	1
46	Pipeline systems	Weber-Shirk Monroe L/ Cornell University	2007	1
47	Industry and Development lecturers	Schnitzer Hans/ Graz University of Technology	2007	1
48	Land reform and rural livelihoods	Ha Thuc Vien/ Shaker Verlag Press	2007	1
49	Fundamentals of Air Pollution	Daniel Vallero/ Elservier Press	2008	1
50	Advanced Environmental Monitoring	Kim Young J. Platt Ulrick/ Springer	2008	1
51	Decentralization, forests and rural communities: Policy outcomes in South and Souteast Asia	E. Webb and G. Shivakoti/ Sage, New Dehi		1
52	Vietnam assesement report on climate change	IPONRE	2009	1
53	Land reform, national park and local livelihoods: From theory to practice	Ha Thuc Vien/VDM Publishing House Ltd	2009	1

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy, theo quy định và quy chế của trường Đại học Nông Lâm Tp. HCM.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS.Nguyễn Tất Toàn

TS.Võ Thái Dân

PGS.TS Nguyễn Tri Quang Hương